ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1119 /HD-UBND	*Kon Tum, ngày 07 tháng 4 năm 2025*

HƯỚNG DẪN

Tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, giải quyết chính sách, chế độ và thủ tục, hồ sơ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (*viết tắt là Nghị định số 178/2024/NĐ-CP*); Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (*viết tắt là Nghị định số 67/2025/NĐ-CP*);

Triển khai Văn bản số 31/CV-BCĐTKNQ18 ngày 04 tháng 01 năm 2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ (*viết tắt là Công văn số 31/CV-BCĐTKNQ18*);

Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động *(sau đây viết tắt là CBCCVC và NLĐ)* tại các sở, ban ngành; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc tỉnh *(sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương)* để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức và giải quyết chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Việc ban hành tiêu chí đánh giá và thực hiện đánh giá CBCCVC và NLĐ là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện thống nhất và xây dựng, ban hành tiêu chí đánh giá, thực hiện đánh giá CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình và thực tiễn của các cơ quan, đơn vị, địa phương; xem xét, quyết định đối tượng phải nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc do

sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC và NLĐ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đảm bảo phù hợp với lộ trình mục tiêu tinh giản biên chế; đồng thời lựa chọn CBCCVC và NLĐ có năng lực nổi trội để có chính sách trọng dụng phù hợp với cơ cấu tổ chức mới.

2. Yêu cầu

a) Thực hiện nghiêm túc và đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Việc xây dựng tiêu chí đánh giá phải bám sát các tiêu chí quy định tại Điều 6 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ và Hướng dẫn này; đồng thời vận dụng các quy định của Đảng, Nhà nước về đánh giá CBCCVC để xây dựng tiêu chí đánh giá phù hợp với đặc điểm tình hình và thực tiễn của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Làm tốt công tác tuyên truyền, công tác chính trị, tư tưởng, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong đội ngũ CBCCVC và NLĐ khi thực hiện việc sắp xếp; đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; quan tâm, giải quyết kịp thời chế độ, chính sách đối với CBCCVC và NLĐ sau sắp xếp theo quy định.

d) Các cơ quan, đơn vị, địa phương phải ban hành tiêu chí cụ thể và thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể đối với tất cả CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý công tâm, khách quan trên cơ sở đánh giá về phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu vị trí việc làm của CBCCVC và NLĐ; trên cơ sở đó thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế và thực hiện chính sách, chế độ đối với CBCCVC và NLĐ.

đ) Quá trình đánh giá phải được thực hiện bảo đảm khoa học, đa chiều, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan, hợp lý, nhân văn, không nể nang, trù dập, thiên vị, hình thức và đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật.

e) Hằng năm các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức rà soát chất lượng CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý và xem xét đơn tự nguyện xin nghỉ việc để xác định đối tượng nghỉ việc, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp từng năm.

II. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ VÀ MỤC TIÊU ĐẠT ĐƯỢC

1. Nguyên tắc đánh giá

a) Đảm bảo sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, vai trò của tập thể lãnh đạo quản lý, nhất là vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng CBCCVC và NLĐ và sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

c) Bảo đảm chi trả chính sách, chế độ kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật; sử dụng đúng, hiệu quả ngân sách nhà nước.

d) Tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trong đánh giá, sàng lọc, lựa chọn đối tượng nghỉ việc gắn với việc cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý để cơ quan, đơn vị, địa phương hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Cá nhân, tập thể của các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức đánh giá phải khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm về những nội dung đánh giá.

đ) Việc thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC và NLĐ; không xem xét giải quyết đối với CBCCVC và NLĐ có năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác; động viên, khuyến khích CBCCVC và NLĐ có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt tiếp tục công tác.

e) Việc giải quyết chế độ, chính sách phải thực hiện thận trọng, chặt chẽ không vì chế độ, chính sách cao mà giải quyết theo nguyện vọng cá nhân; hạn chế việc giải quyết đồng loạt cùng một thời điểm, đặc biệt khi chưa có phương án nhân sự thay thế; phải có lộ trình và kế hoạch giải quyết tinh giản biên chế phù hợp.

g) Trường hợp CBCCVC và NLĐ đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách, chế độ quy định tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách, chế độ cao nhất.

2. Mục tiêu đạt được

a) Qua quá trình đánh giá, người đứng đầu các các cơ quan, đơn vị, địa phương xác định được những người có phẩm chất, năng lực nổi trội; những người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo vị trí việc làm; những người không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo vị trí việc làm để xác định đối tượng phải nghỉ việc theo lộ trình đảm bảo không làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương được cấp có thẩm quyền giao.

b) Đảm bảo chậm nhất sau 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành thì số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý và số lượng CBCCVC và NLĐ ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị của toàn tỉnh sau sắp xếp tổ chức bộ máy phải đảm bảo được thực hiện theo đúng quy định; Giảm tối thiểu 20% công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong vòng 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành để giảm biên chế theo Kế hoạch

(hoặc phương án) sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của UBND tỉnh và lộ trình thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Thực hiện theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ, thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc khối chính quyền tỉnh.

IV. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CBCCVC VÀ NLĐ

Tập thể cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị, địa phương phải thực hiện rà soát, đánh giá đối với tất cả CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất theo các tiêu chí sau *(riêng đối với chức danh Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định theo thẩm quyền)*:

1. Tiêu chí đánh giá về phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của CBCCVC và NLĐ

a) Trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC và NLĐ 03 năm gần nhất, thực hiện việc rà soát, đánh giá CBCCVC và NLĐ thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý về các nội dung sau:

- *Phẩm chất đạo đức*

+ Không tham ô, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, quan liêu, cơ hội, vụ lợi, hách dịch, cửa quyền; không có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa;

+ Có lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, trong sáng, giản dị;

+ Có tinh thần đoàn kết, xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh;

+ Không để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi.

- *Tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ*

+ Có ý thức trách nhiệm với công việc, nhiệm vụ được giao;

+ Phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, đúng quy chế, quy định tại cơ quan, đơn vị;

+ Có thái độ đúng mực và phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực, đáp ứng yêu cầu của văn hóa công vụ;

+ Có tinh thần phối hợp với cơ quan, đơn vị, đồng nghiệp và các cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ.

- *Ý thức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ*

+ Chấp hành sự phân công của tổ chức;

+ Thực hiện các quy định, quy chế, nội quy của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác;

+ Báo cáo đầy đủ, trung thực, cung cấp thông tin chính xác, khách quan về những nội dung liên quan đến việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị với cấp trên khi được yêu cầu;

+ Thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập theo đúng quy định.

a) Xem xét thực hiện tinh giản đối với CBCCVC và NLĐ có một trong các hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của CBCCVC và NLĐ đã được cấp có thẩm quyền kết luận như sau:

- Vi phạm kỷ luật lao động; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân;

- Có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ; lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi;

- Có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ.

2. Tiêu chí đánh giá về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ thường xuyên và đột xuất

a) Rà soát, đánh giá CBCCVC và NLĐ về các nội dung sau:

- *Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ*

+ Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật về ngành, lĩnh vực công tác và các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực công tác, quản lý;

+ Đảm bảo các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch hiện giữ và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao theo vị trí việc làm trước và sau sắp xếp;

+ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với CBCCVC công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

+ Có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao nghiên cứu, tham mưu;

+ Có khả năng nghiên cứu, tiếp thu kiến thức mới có năng lực thực tiễn, kỹ năng vận dụng kiến thức vào công việc;

+ Nắm vững và hiểu biết đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị; am hiểu lĩnh vực công tác được phân công;

+ Nắm được tình hình và xu thế phát triển của ngành, lĩnh vực công tác trong nước và thế giới; khả năng tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

+ Có khả năng tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, dự án, chương trình hành động và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực hoặc địa phương công tác (*đối với người lao động không thực hiện đánh giá nội dung này*).

- Về khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ thường xuyên và đột xuất

+ Đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian.

+ Đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu về chất lượng.

+ Đánh giá về số lượng sản phẩm và tính chất, mức độ phức tạp công việc.

- Về sức khỏe để công tác;

- Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC và NLĐ 03 năm gần nhất (rà soát các hình thức khen thưởng và kỷ luật, nếu có).

b) Xem xét thực hiện tinh giản đối với CBCCVC và NLĐ chưa đáp ứng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ thường xuyên và đột xuất hoặc không đảm bảo về sức khỏe để đáp ứng yêu cầu, tiến độ, thời gian, chất lượng công việc thường xuyên và đột xuất trong thời gian qua và thời gian tới *(nghỉ đau, ốm nhận chi trả của BHXH hoặc suy giảm lao động hoặc bị đau ốm khó có thể hồi phục để tiếp tục làm việc được cơ quan cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận).*

3. Tiêu chí đánh giá về kết quả, sản phẩm công việc gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị mà CBCCVC và NLĐ đã đạt được trong 03 năm gần nhất

a) Trên cơ sở vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc vị trí việc làm dự kiến bố trí trong thời gian tới, thực hiện rà soát, đánh giá CBCCVC và NLĐ về các nội dung sau:

- *Đối với CBCCVC lãnh đạo, quản lý*

+ Năng lực chỉ đạo, điều hành, thể chế hóa và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại các cơ quan, đơn vị, địa phương;

+ Duy trì kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; không để xảy ra các vụ, việc vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật phải xử lý, tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền; chỉ đạo, thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ tại đơn vị, địa phương.

+ Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao quản lý, phụ trách, trong đó xác định rõ kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, lượng hóa bằng sản phẩm cụ thể.

+ Kết quả công việc đạt được theo vị trí việc làm.

+ Kết quả công việc, nhiệm vụ phát sinh, đột xuất.

+ Kết quả công việc kiêm nhiệm đảng, đoàn thể,…

- *Đối với CCVC không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và người lao động*

+ Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao; khối lượng, tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ.

+ Thái độ phục vụ nhân dân, doanh nghiệp đối với những vị trí tiếp xúc trực tiếp hoặc trực tiếp giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp.

+ Kết quả công việc đạt được theo vị trí việc làm.

+ Kết quả công việc, nhiệm vụ phát sinh, đột xuất.

+ Kết quả công việc kiêm nhiệm đảng, đoàn thể,…

- *Tùy đặc thù ngành nghề, vị trí việc làm mà CBCCVC và NLĐ (kể cả vị trí lãnh đạo, quản lý) đảm nhận, đánh giá thêm các nội dung sau đây:*

+ Về khả năng chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng đề án, phương án, chương trình, kế hoạch, quyết định, quy định, quy chế trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu;

+ Về khả năng chủ trì hoặc tham gia sáng kiến cấp cơ sở trở lên hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ *(đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, dự án khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm)* đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc nghiệm thu;

+ Về khả năng chủ trì hoặc tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình chuyên môn; xây dựng đề cương thiết kế trưng bày, dự án, công trình, đồ án thuộc chuyên ngành kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực; hoặc tổ chức, xây dựng kịch bản, dàn dựng, chỉ huy biểu diễn các tác phẩm, chương trình, hoạt động, sự kiện có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, v.v…

+ Về khả năng chủ trì hoặc tham gia các sản phẩm khác do cơ quan trực tiếp sử dụng CBCCVC và NLĐ xem xét, quyết định.

b) Xem xét thực hiện tinh giản đối với CBCCVC và NLĐ chưa đáp ứng kết quả, sản phẩm công việc gắn với vị trí việc làm mà CBCCVC và NLĐ được giao hoặc được phân công.

4. Tiêu chí đánh giá CBCCVC và NLĐ là người có phẩm chất, năng lực nổi trội

CBCCVC và NLĐ được đánh giá là người có phẩm chất, năng lực nổi trội phải đáp ứng đồng thời cả 02 điều kiện sau:

a) Phải được đánh giá ít nhất 90/100 điểm của 03 tiêu chí tại mục 1, 2, 3 phần IV phụ lục II kèm theo.

b) Phải đảm bảo tiêu chí đánh giá về đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung và có thành tích tiêu biểu, nổi trội, mang lại lợi ích cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cụ thể có một trong các tiêu chí sau:

- Có ít nhất 02 năm trở lên trong 03 năm gần nhất được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Đã xây dựng Kế hoạch đề xuất đổi mới, sáng tạo và báo cáo cơ quan, đơn vị xem xét, phê duyệt trong thời gian 03 năm gần nhất;

- Có sáng kiến được công nhận cấp tỉnh trở lên thời gian 03 năm gần nhất;

- Có tinh thần, thái độ phục vụ, hành động tích cực, tạo sự lan tỏa, uy tín đối với người dân, doanh nghiệp và cộng đồng và được biểu dương, khen thưởng;

- Có các sản phẩm, kết quả công tác cụ thể nổi bật, xuất sắc trong vị trí việc làm *(do cơ quan sử dụng CBCCVC xem xét hằng năm),* đóng góp vào sự thành công của cơ quan, đơn vị, tổ chức nói riêng và tỉnh nói chung.

V. ĐÁNH GIÁ RÀ SOÁT TỔNG THỂ CÁC TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ CBCCVC VÀ NLĐ

1. Đánh giá rà soát tổng thể các tiêu chí để xem xét giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc

a) Việc tổ chức rà soát, đánh giá các tiêu chí trong thời gian 03 năm công tác gần nhất của CBCCVC và NLĐ; trường hợp thời gian công tác dưới 03 năm thì đánh giá toàn bộ thời gian công tác; trường hợp chuyển công tác *(hoặc cơ quan, đơn vị kết thúc hoạt động, sáp nhập...)* thì đơn vị mới lấy kết quả đánh giá CBCCVC và NLĐ của cơ quan, đơn vị cũ và tài liệu liên quan của cá nhân *(trình độ đào tạo, chuyên môn, sáng kiến, quyết định khen thưởng, kỷ luật...)* để đánh giá.

b) Về thang điểm đánh giá: Tổng điểm tối đa các nhóm tiêu chí đánh giá quy định tại khoản 1, 2, 3 của Mục IV Hướng dẫn này là 100 điểm. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể trong từng nhóm tiêu chí theo tiêu chí nêu trên và quy định điểm chi tiết của từng tiêu chí để phù hợp với tình hình và thực tiễn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Tập thể cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu từng cơ quan, tổ chức, đơn vị rà soát tổng thể các tiêu chí 1, 2, 3 của Mục IV để xem xét quyết định đối tượng thuộc diện nghỉ việc theo thứ tự như sau:

- CBCCVC và NLĐ có tổng số điểm theo các tiêu chí dưới 50 điểm.

- CBCCVC và NLĐ có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế để cơ quan, đơn vị bố trí cán bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý và hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

- CBCCVC và NLĐ tổng điểm thấp nhất trong thời gian 03 năm gần nhất tính từ dưới lên đến khi hết số lượng phải tinh giản hàng năm.

- Trường hợp chưa xác định được đối tượng giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP thì phải đề xuất, lựa chọn, đánh giá trên cơ sở đánh giá CBCCVC và NLĐ theo 03 tiêu chí nêu trên để báo cáo tập thể cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, quyết định số lượng cần tinh giản đảm bảo theo quy định.

(Kèm theo Phụ lục I và II Biểu mẫu tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để thực hiện sắp xếp và giải quyết chính sách, chế độ)

d) Các trường hợp chưa xem xét giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP cụ thể:

- Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, là nữ đang trong thời gian mang thai,

nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện nghỉ việc.

- Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

2. Đánh giá CBCCVC và NLĐ để được hưởng chính sách trọng dụng người có phẩm chất, năng lực nổi trội

a) Đối với trường hợp đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tại khoản 4 Mục IV thì tiếp tục giữ lại phát huy năng lực sở trường công tác, có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn quy hoạch lãnh đạo quản lý, bổ nhiệm phù hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương và quy định của pháp luật.

b) Không giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc đối với các CBCCVC và NLĐ được đánh giá là người có phẩm chất, năng lực nổi trội tại khoản 4 Mục IV.

c) CBCCVC và NLĐ có phẩm chất, năng lực nổi trội thì được hưởng các chính sách quy định tại Điều 13 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

VI. QUY TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Xác định số lượng biên chế phải giảm theo quy định: Căn cứ số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt[1], số biên chế có mặt, các cơ quan, đơn vị, địa phương xác định số lượng biên chế phải giảm đến 2030 theo quy định[2].

2. Căn cứ văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiêu chí đánh giá CBCCVC và NLĐ, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cùng cấp để ban hành tiêu chí đánh giá và thang điểm đối với các tiêu chí thành phần đảm bảo phù hợp với đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thực hiện phổ biến, quán triệt công khai đến từng công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Tiến hành rà soát tổng thể chất lượng CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý; trên cơ sở đó, xác định đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp thuộc đối tượng được hưởng chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP để sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC và NLĐ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

---

[1] Áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm chi đầu tư và chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

[2] Kế hoạch số 2085/KH-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh về Quản lý và sử dụng biên chế giai đoạn 2023-2026; đồng thời giảm tối thiểu 20% công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong vòng 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành.

3. Trên cơ sở tiêu chí đánh giá đã ban hành, tập thể cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện rà soát tổng thể chất lượng CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý theo trình tự, thủ tục sau:

a) Bước 1: CBCCVC và NLĐ làm báo cáo tự đánh giá theo tiêu chí đánh giá của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trong báo cáo đánh giá phải tự xác định thuộc đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn, tinh giản biên chế; đối tượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo vị trí việc làm (*theo Phụ lục I*). Trường hợp có nguyện vọng thì có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc (*theo Phụ lục III*);

b) Bước 2: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng CBCCVC và NLĐ nhận xét, đánh giá;

c) Bước 3: Lấy ý kiến của cấp ủy, tập thể lãnh đạo cùng cấp về đánh giá CBCCVC và NLĐ;

d) Bước 4: Xem xét, quyết định đánh giá;

- Bộ phận tham mưu về công tác cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đánh giá tổng hợp ý kiến nhận xét, đánh giá, đề xuất đánh giá đối với CBCCVC và NLĐ. Lấy ý kiến của cấp ủy, công đoàn, các đơn vị liên quan.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định kết quả đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hoặc trình cấp có thẩm quyền đánh giá theo phân cấp quản lý về công tác cán bộ. (*Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đánh giá đối với CBCCVC và NLĐ: Thực hiện theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (được sửa đổi bổ sung Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ*)).

đ) Bước 5: Thông báo bằng văn bản cho CBCCVC và NLĐ và thông báo công khai về kết quả đánh giá.

e) Bước 6: Lập danh sách, dự toán số tiền và hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP theo chỉ tiêu dôi dư của cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với những trường hợp có kết quả đánh giá thấp từ dưới lên trên.

VII. THỦ TỤC, HỒ SƠ THỰC HIỆN GIẢI QUYẾT CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ CBCCVC VÀ NLĐ

1. Thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định, giải quyết

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương khối chính quyền có Văn bản kèm danh sách đề nghị nghỉ việc (*bao gồm nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc*) do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng

CBCCVC và NLĐ theo mẫu, dự toán kinh phí thực hiện và hồ sơ của từng cá nhân gửi về Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp.

b) Sở Nội vụ thẩm định từng trường hợp cụ thể và tổng hợp, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định danh sách nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc theo đúng quy định.

c) Căn cứ Quyết định phê duyệt danh sách nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng CBCC các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Quyết định nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với từng cá nhân theo thẩm quyền được phân cấp quản lý.

d) Trên cơ sở Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về danh sách nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc; Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định dự toán kinh phí thực hiện giải quyết chế độ, chính sách theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo quy định; trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm.

2. Thành phần hồ sơ

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương kèm danh sách đề nghị nghỉ việc (*bao gồm nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc*) do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng CBCC và dự toán kinh phí thực hiện.

b) Biên bản họp xét đánh giá tiêu chí (*kèm bảng chấm điểm*) đối với từng trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng CBCC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Hồ sơ từng cá nhân đề nghị nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc:

- Đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi/nghỉ thôi việc của cá nhân, có ý kiến đồng ý của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý (*trường hợp được xác định người phải nghỉ việc do có kết quả đánh giá "Không Đáp ứng" thì không cần Đơn tự nguyện*).

- Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự, kế hoạch tinh giản biên chế của cơ quan có thẩm quyền.

- Quyết định tuyển dụng của cấp có thẩm quyền *(kể cả những trường hợp được tuyển dụng trước năm 1993 vẫn phải cung cấp những quyết định nhân sự có liên quan)*.

- Quyết định lương hiện hưởng, bao gồm cả các quyết định về phụ cấp: chức vụ lãnh đạo, thâm niên vượt khung, thâm niên nghề, ưu đãi theo nghề, trách nhiệm theo nghề (nếu có), công vụ và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu

có) theo quy định của pháp luật về tiền lương. Trường hợp cá nhân nghỉ là người lao động thì bổ sung Bản hợp đồng lao động, trong đó có mức lương thỏa thuận hiện hưởng của người lao động.

- Quyết định bổ nhiệm vào ngạch hiện hưởng.

- Quyết định bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý (nếu có).

- Văn bản của cơ quan Bảo hiểm xã hội về xác định điều kiện được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật Bảo hiểm xã hội tại thời điểm đề nghị nghỉ đối với cá nhân để làm cơ sở thẩm định chính sách *(trong đó có xác nhận số năm đóng bảo hiểm xã hội làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành; làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01/01/2021)*. Gửi kèm theo Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp có ý kiến xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tính tới thời điểm lập hồ sơ.

**** Lưu ý:*** Các cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ và quét *(scan bản gốc hoặc bản sao có chứng thực)* toàn bộ hồ sơ liên quan theo từng cá nhân trong 01 file định dạng pdf và đính kèm văn bản trên hệ thống khi gửi về Sở Nội vụ để phục vụ công tác lưu trữ hồ sơ giải quyết chế độ, chính sách trên hệ thống iOffice *(không gửi hồ sơ bản giấy)*.

3. Thời hạn các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt danh sách nghỉ hưu, nghỉ thôi việc

Hồ sơ đề nghị nghỉ hưu, nghỉ thôi việc được thực hiện định kỳ theo tháng *(mỗi tháng trình phê duyệt 01 lần):*

a) Thời hạn các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ về Sở Nội vụ chậm nhất ngày 01 của tháng trước liền kề tháng đề nghị nghỉ hưu, nghỉ thôi việc.

b) Chậm nhất ngày 20 hàng tháng Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách nghỉ hưu, nghỉ thôi việc.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo phân cấp quản lý và đánh giá CBCCVC và NLĐ

a) Căn cứ Hướng dẫn này, thực hiện xây dựng và ban hành tiêu chí đánh giá một cách cụ thể, phù hợp với đặc điểm, tình hình, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và tổ chức thực hiện đánh giá CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định, gửi về Sở Nội vụ để theo dõi,

kiểm tra. Trường hợp đơn vị không bổ sung tiêu chí thì xem xét sử dụng tiêu chí này để đánh giá CBCCVC và NLĐ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

b) Chịu trách nhiệm xác định và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, xác định đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế theo lộ trình quy định, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC và NLĐ, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao.

c) Lập danh sách, dự toán đối tượng phải nghỉ việc và các trường hợp tự nguyện có đơn xin nghỉ việc được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP *(được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 1 Nghị định 67/2025/NĐ-CP)* do sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng CBCC *(theo Phụ lục IV và Phụ lục V đính kèm)*;

d) Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì kịp thời thực hiện chi trả chính sách, chế độ cho CBCCVC và NLĐ theo đúng quy định của pháp luật.

đ) Lập danh sách CBCCVC và NLĐ có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được hưởng chính sách theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

e) Chủ động xây dựng kế hoạch để giảm tối thiểu 20% đối với cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo phương án sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp với lộ trình thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

g) Hàng năm, căn cứ tình hình thực hiện chính sách, chế độ *(bao gồm số đối tượng và số tiền trợ cấp cho từng đối tượng)*, dự kiến kế hoạch thực hiện chính sách, chế độ năm sau liền kề, chỉ đạo bộ phận tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Giao Sở Nội vụ

a) Giải đáp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung vượt thẩm quyền.

b) Chủ trình, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về danh sách và kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP định kỳ và đột xuất theo yêu cầu.

3. Giao Sở Tài chính

a) Hàng năm, căn cứ tình hình thực hiện chính sách, chế độ, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ để tổng hợp chung vào nhu cầu cải cách tiền lương trong dự toán ngân sách nhà nước của năm sau liền kề của tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về danh sách và kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP *(theo yêu cầu).*

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- Các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, NC$_{TTTT.PKĐ.}$

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Lê Ngọc Tuấn